

Bản án số: 136/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2023

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Lê Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T - sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Danh T1 - sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/10/2023 của nguyên đơn chị Thị T trình bày: Tôi và chồng tôi có tìm hiểu nhau trước được 01 năm nên đến năm 2014 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/5/2014.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi không chịu đi làm mà thường xuyên ăn chơi và làm nợ, tôi khuyên nhiều lần nhưng chồng tôi không bỏ nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh T1.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016, hiện nay các con đang sống với chồng tôi nên tôi đồng ý giao cả hai con cho anh T1 được tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Danh T1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016, hiện nay các con đang sống với chồng tôi nên tôi đồng ý giao cả hai con cho anh T1 được tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai đề ngày 13/11/2023 bị đơn anh Danh T1 trình bày: Tôi và vợ tôi có tìm hiểu nhau trước được 01 năm nên đến năm 2014 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/5/2014.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng hơn 06 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng không gặp nhau cách nay 3 năm và chúng tôi đã ly thân cách nay 3 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn với theo yêu cầu của vợ tôi là Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016, hiện nay các con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu vợ tôi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Thị T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016, hiện nay các con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu vợ tôi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị T và anh Danh T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Thị T là nguyên đơn và anh Danh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị T và anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Danh T1 kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/5/2014 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Thị T và anh Danh T1 là hôn nhân tự nguyện, tuy trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước nhưng sau tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị Thị T cho rằng anh T1 không chịu đi làm mà thường xuyên ăn chơi và làm nợ nên chị khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không bỏ, thế nên chị và anh T1 đã ly thân từ năm 2020 đến nay còn anh T1 cho rằng chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cách nay 3 năm nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị T và anh Danh T1 thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị T và anh Danh T1.

[4] Về con chung: Chị Thị T và anh Danh T1 xác định anh chị có 02 người con chung tên Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016, hiện nay các con đang sống với anh T1 nên chị T và anh T1 thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Tr và cháu Th cho anh Danh T1 được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Trân và cháu Thiên cũng có nguyện vọng muốn sống với anh T1. Do đó, HĐXX ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận của chị Thị T và anh Danh T1 về con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Chị Thị T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị T và anh Danh T1 xác định anh chị không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị T phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000739, ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Thị T và anh Danh T1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thị T và anh Danh T1 là giao cháu Danh Bảo Tr - sinh ngày 14/12/2014 và cháu Danh Hạo Th - sinh ngày 01/9/2016 cho anh Danh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Tr và cháu Th cũng có nguyện vọng muốn sống với anh T1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Chị Thị T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị T phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000739, ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 13/12/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh